ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HỌC KỲ II – MÔN TIN HỌC 12
NĂM HỌC 2019 – 2020

A. Phần Thi Thực hành:

1. Tạo cấu trúc bảng. nhập dữ liệu cho bảng
2. Đặt khóa chính cho bảng
3. Tạo liên kết giữa các bảng

B. Phần Thi Lý thuyết:

1. Mô hình dữ liệu quan hệ?
2. Khái niệm CSDL quan hệ và Hệ QT CSDL quan hệ?
3. Các đặc trưng của 1 quan hệ trong hệ CSDL quan hệ?
4. Khóa của bảng là gì?
5. Tạo lập CSDL? Cập nhật CSDL? Khai thác CSDL?

C. Phần trắc nghiệm:

1: Thao tác trên dữ liệu có thể là:
A. Xoá bản ghi **B.** Tìm kiếm bản ghi **C.** In bản ghi **D.** Sắp xếp bản ghi

2: Trước khi tạo mẫu hỏi để giải quyết các bài toán liên quan tới nhiều bảng, thì ta phải thực hiện thao tác nào?
A. Thực hiện gộp nhóm **B.** Liên kết giữa các bảng
C. Chọn các trường muốn hiện thị ở hàng Show **D.** Nhập các điều kiện vào lưới QBE

3: Mô hình phổ biến để xây dựng CSDL quan hệ là:
A. Mô hình cơ sở quan hệ **B.** Mô hình hướng đối tượng
C. Mô hình phân cấp **D.** Mô hình dữ liệu quan hệ

4: Trong quá trình tạo cấu trúc của một bảng, khi tạo một trường, việc nào sau đây *không* nhất thiết phải thực hiện?
A. Đặt kích thước **B.** . Mô tả nội dung
C. Đặt tên, các tên của các trường cần phân biệt **D.** .Chọn kiểu dữ liệu

5: Thao tác khai báo cấu trúc bảng bao gồm :
A. Khai báo kích thước của trường, tạo liên kết giữa các bảng và chỉ định kiểu dữ liệu cho mỗi trường
B. Khai báo kích thước của trường, đặt tên các trường và chỉ định kiểu dữ liệu cho mỗi trường
C. Đặt tên các trường và chỉ định kiểu dữ liệu cho mỗi trường
D. Tạo liên kết giữa các bảng và chỉ định kiểu dữ liệu cho mỗi trường

6: Thuật ngữ "quan hệ" dùng trong hệ CSDL quan hệ là để chỉ đối tượng:
A. Hàng **B.** Cột **C.** Bảng **D.** Kiểu dữ liệu của một thuộc tính

7: Mô hình dữ liệu quan hệ được E. F. Codd đề xuất năm nào?
A. 1995 **B.** 1970 **C.** 2000 **D.** 1975

8: Cho các thao tác sau :
B1: Tạo bảng B2: Đặt tên và lưu cấu trúc B3: Chọn khóa chính cho bảng B4: Tạo liên kết

Khi tạo lập CSDL quan hệ ta thực hiện lần lượt các bước sau:
A. B1-B3-B4-B2 **B.** B2-B1-B2-B4 **C.** B1-B2-B3-B4 **D.** B1-B3-B2-B4

9: Trong mô hình quan hệ, về mặt cấu trúc thì dữ liệu được thể hiện trong các:
A. Hàng (Record) **B.** Bảng (Table) **C.** Báo cáo (Report) **D.** Cột (Field)

10: Chỉnh sửa dữ liệu là:
A. Xoá một số thuộc tính **B.** Xoá giá trị của một vài thuộc tính của một bộ
C. Xoá một số quan hệ **D.** Thay đổi các giá trị của một vài thuộc tính của một bộ

11: Thao tác nào sau đây *không* phải là thao tác cập nhật dữ liệu?
A. Sao chép CSDL thành bản sao dự phòng **B.** Nhập dữ liệu ban đầu
C. Sửa những dữ liệu chưa phù hợp **D.** Thêm bản ghi

12: Xoá bản ghi là :
A. Xoá một hoặc một số cơ sở dữ liệu **B.** Xoá một hoặc một số quan hệ
C. Xoá một hoặc một số bộ của bảng **D.** Xoá một hoặc một số thuộc tính của bảng

13: Các khái niệm dùng để mô tả các yếu tố nào sẽ tạo thành mô hình dữ liệu quan hệ?
A. Các thao tác, phép toán trên dữ liệu **B.** Các ràng buộc dữ liệu
C. Cấu trúc dữ liệu **D.** Các thao tác, các ràng buộc và cấu trúc dữ liệu

14: Thao tác nào sau đây *không* thuộc loại tạo lập CSDL quan hệ?
A. Nhập dữ liệu ban đầu **B.** Tạo cấu trúc bảng
C. Chọn khoá chính **D.** Đặt tên bảng và lưu cấu trúc bảng

15: Việc đầu tiên để tạo lập một CSDL quan hệ là :
A. Tạo ra một hay nhiều bảng **B.** Tạo ra một hay nhiều mẫu hỏi
C. Tạo ra một hay nhiều báo cáo **D.** Tạo ra một hay nhiều biểu mẫu

16: Thuật ngữ "bộ" dùng trong hệ CSDL quan hệ là để chỉ đối tượng:
A. Cột **B.** Kiểu dữ liệu của một thuộc tính **C.** Bảng **D.** Hàng

17: Trong một trường THPT có xây dựng một CSDL quản lý điểm Học Sinh. Người Quản trị CSDL có phân quyền truy cập cho các đối tượng truy cập vào CSDL. Theo em cách phân quyền nào dưới đây hợp lý:

A. HS: Xem, Xoá; GVBM: Xem, Bổ sung, sửa, xoá; BGH: Xem, Bổ sung, sửa, xoá.
B. HS: Xem; GVBM: Xem, Bổ sung, sửa, xoá; BGH: Xem.
C. HS: Xem; GVBM: Xem, Bổ sung; BGH: Xem, sửa, xoá.
D. HS: Xem; GVBM: Xem, Bổ sung, sửa, xóa; BGH: Xem, Bổ sung.

18: Trong các phát biểu sau, phát biểu nào không phải là chức năng của biên bản hệ thống?

A. Lưu lại các yêu cầu tra cứu hệ thống.
B. Nhận diện người dùng để cung cấp dữ liệu mà họ được phân quyền truy cập.
C. Lưu lại thông tin của người truy cập vào hệ thống.
D. Lưu lại số lần truy cập vào hệ thống.

19: Để nâng cao hiệu quả của việc bảo mật, ta cần phải:

A. Thường xuyên nâng cấp phần cứng, phần mềm
B. Thường xuyên sao chép dữ liệu
C. Thường xuyên thay đổi các tham số của hệ thống bảo vệ
D. Nhận dạng người dùng bằng mã hoá

20: Các giải pháp cho việc bảo mật CSDL gồm có:

A. Phân quyền truy cập, nhận dạng người dùng, mã hoá thông tin và nén dữ liệu, lưu biên bản.
B. Phân quyền truy cập, nhận dạng người dùng; mã hoá thông tin và nén dữ liệu; chính sách và ý thức; lưu biên bản.
C. Nhận dạng người dùng, mã hoá thông tin và nén dữ liệu, chính sách và ý thức, lưu biên bản.

21: Hai bảng trong một CSDL quan hệ liên kết với nhau thông qua :

A. Thuộc tính khóa **B.** Địa chỉ của các bảng
C. Tên trường **D.** Thuộc tính của các trường được chọn (không nhất thiết phải là khóa)

22: Bảng phân quyền cho phép :

A. Phân các quyền truy cập đối với người dùng **B.** Giúp người dùng xem được thông tin CSDL.
C. Giúp người quản lí xem được các đối tượng truy cập hệ thống. **D.** Đếm được số lượng người truy cập hệ thống.

23: Chọn phát biểu đúng: "Trong CSDL quan hệ ……."

A. Mỗi bảng duy nhất có một trường làm khóa chính **B.** Không thể sắp xếp các bản ghi theo thứ tự
C. Mỗi đối tượng được xây dựng thành một bảng, giữa các đối tượng được liên kết với nhau qua sự xuất hiện lặp lại của một số thuộc tính.
D. Không thể truy vấn từ báo cáo

24: Trong một CSDL quan hệ, phát biểu nào sau đây là sai:

A. Khóa chính của các bảng thường không trùng nhau **B.** Khi sắp xếp, trật tự các bản ghi trong hệ thống không thay đổi
C. Hai bảng có thể trùng tên **D.** Hai bảng có chung một hoặc nhiều trường

25: Tìm phương án sai. Thao tác sắp xếp bản ghi:

A. Có thể thực hiện sắp xếp trên một vài trường với mức ưu tiên khác nhau
B. Không làm thay đổi vị trí lưu các bản ghi trên đĩa
C. Chỉ thực hiện sắp xếp trên một trường **D.** Để tổ chức lưu trữ dữ liệu hợp lí hơn

26: Cho các bảng sau :

- **DanhMucSach**(MaSach, TenSach, MaLoai)
- **LoaiSach**(MaLoai, LoaiSach)
- **HoaDon**(MaSach, SoLuong, DonGia)

Để biết ***giá của một quyển sách*** thì cần những bảng nào ?

A. HoaDon, LoaiSach **B.** DanhMucSach, LoaiSach **C.** DanhMucSach, HoaDon **D.** HoaDon

27: Trong bảng sau đây, mỗi học sinh chỉ có một mã số (Mahs)

Mahs	HoTen	Ngaysinh	Lop	Diachi	Toan	Li	Hoa
0001	Tran Van Thanh	1 – 2 – 1990	12A	Nội trú	10	9	8
0002	Tran Van Thanh	1 – 2 – 1990	12A	20 Lê Lợi	9	10	5
0003	Tran Van Thanh	1 – 2 – 1990	12B	Nội trú	7	7	7

Khoá chính của bảng là:

A. Khoá chính = {HoTen, Ngaysinh, Lop, Diachi} **B.** Khoá chính = {HoTen, Ngaysinh, Lop, Diachi, Toan}
C. Khoá chính = {Mahs} **D.** Khoá chính = {HoTen, Ngaysinh, Lop, Diachi, Li}

28: Giả sử một bảng có 2 trường SOBH (số bảo hiểm) và HOTEN (họ tên) thì nên chọn trường SOBH làm khoá chính hơn vì :

A. Trường SOBH là trường ngắn hơn **B.** Trường SOBH đứng trước trường HOTEN
C. Trường SOBH là duy nhất, trong khi đó trường HOTEN không phải là duy nhất
D. Trường SOBH là kiểu số, trong khi đó trường HOTEN không phải là kiểu số

29: Danh sách của mỗi phòng thi gồm có các trường : STT, Họ tên học sinh, Số báo danh, phòng thi. Ta chọn khoá chính là :

A. Họ tên học sinh **B.** STT **C.** Phòng thi **D.** Số báo danh

30: Trong mô hình quan hệ, hệ QTCSDL cần phải có chức năng:

A. Kiểm tra kiểu dữ liệu của một trường có chính xác không **B.** Cung cấp chương trình ứng dụng để người dùng có thể truy cập CSDL
C. Kiểm tra 1 trường có phải là khóa chính không **D.** Kiểm tra các ràng buộc toàn vẹn dữ liệu khi cập nhật dữ liệu